Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3913.90.20

Mã HS	3913.90.20
Mô tả hàng hóa	Polyme tự nhiên (ví dụ, axit alginic) và các polyme tự nhiên đã biến đổi (ví dụ, protein đã làm cứng, các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, dạng nguyên sinh / - Loại khác: / - - Các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 15:23:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39139020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5873
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5873
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5873
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5678
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5639
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5639
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5639
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5639
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5639
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5639
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5683
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5683

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5683
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5683
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5683
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5683
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5681
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5681
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5681
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5681
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5681
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5681
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5683
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5645
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5641
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5641
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5641
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5641
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5641
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5641
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5652
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5652
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5652
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5652
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5652
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5652
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5691
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5691

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5691
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5691
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5691
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5691
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5692
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5692
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5692
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5692
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5692
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5692
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5695
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5695
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5695
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5695
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5695
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5695
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5664
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5664
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5664
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5664
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5664
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5664
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5666
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5666
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5666
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5666

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5666
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5666
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5664
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5664
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5664
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5664
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5664
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5664
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5664
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5685
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5685
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5685
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5685
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5685
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5685
RCEP B	2022	2022	0	B!D5685
RCEP B	2023	2023	0	B!E5685
RCEP B	2024	2024	0	B!F5685
RCEP B	2025	2025	0	B!G5685
RCEP B	2026	2026	0	B!H5685
RCEP B	2027	2027	0	B!I5685
RCEP C	2022	2022	0	C!D5685
RCEP C	2023	2023	0	C!E5685
RCEP C	2024	2024	0	C!F5685
RCEP C	2025	2025	0	C!G5685
RCEP C	2026	2026	0	C!H5685

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5685
RCEP D	2022	2022	0	D!D5685
RCEP D	2023	2023	0	D!E5685
RCEP D	2024	2024	0	D!F5685
RCEP D	2025	2025	0	D!G5685
RCEP D	2026	2026	0	D!H5685
RCEP D	2027	2027	0	D!I5685
RCEP E	2022	2022	0	E!D5688
RCEP E	2023	2023	0	E!E5688
RCEP E	2024	2024	0	E!F5688
RCEP E	2025	2025	0	E!G5688
RCEP E	2026	2026	0	E!H5688
RCEP E	2027	2027	0	E!I5688
RCEP F	2022	2022	0	F!D5685
RCEP F	2023	2023	0	F!E5685
RCEP F	2024	2024	0	F!F5685
RCEP F	2025	2025	0	F!G5685
RCEP F	2026	2026	0	F!H5685
RCEP F	2027	2027	0	F!I5685
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5239
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5239
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5239
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5239

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3913.90 có 4 dòng thuế; dòng 3913.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên.	3913.90.10 Các protein đã làm cứng; 3913.90.30 Các polyme từ tinh bột; 3913.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3913.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3913.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5873), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.